

MỘT SỐ THAY ĐỔI TRONG TƯ DUY VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA Ở TRUNG QUỐC

NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG^(*)

PHẠM HỒNG YẾN^(**)

Văn hóa là linh hồn, là động lực phát triển của mỗi dân tộc. Tuy nhiên, nhìn vào tiến trình phát triển của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa kể từ khi thành lập cho đến trước năm 1978, người ta đã chứng kiến không ít sự kiện và hiện tượng phản văn hoá diễn ra trong các cuộc “Vận động tư tưởng” (1951), “Trấn áp phản cách mạng” (1953), “Đại cách mạng văn hóa” (1966 -1976) đã làm tổn hại sâu sắc sự phát triển của văn hóa và kéo lùi lịch sử của Trung Quốc - một dân tộc đông dân nhất thế giới (theo: 1, tr.128). Sau những sai lầm nghiêm trọng, Đảng Cộng sản (ĐCS) Trung Quốc đã dần dần nhận thức rõ hơn tình hình đất nước; tại Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 3 khóa XI ĐCS Trung Quốc (1978), ĐCS đã đề ra đường lối cải cách mở cửa toàn diện, mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử Trung Quốc.

Kiên trì đường lối cải cách mở cửa, trong 30 năm qua, ĐCS Trung Quốc đã không ngừng tạo ra những thay đổi quan trọng về tư duy phát triển nhằm thích ứng với yêu cầu thời đại, mục tiêu xây dựng đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế. Những thay đổi này được tập trung thể hiện rõ qua các kỳ Đại hội của ĐCS Trung Quốc. Từ góc độ văn hóa, bài viết xem xét quá trình đổi mới về nhận thức, chuyển đổi và hoàn thiện về phương châm, phương hướng, phương thức và mục tiêu phát triển văn hóa Trung Quốc trong từng giai đoạn cụ thể. Đây được coi là những thay đổi lớn về tư duy mang tính chỉ đạo trong việc thực thi chính sách của Trung Quốc trong 30 năm tiến hành cải cách mở cửa và hiện đại hóa nền văn hóa XHCN đặc sắc Trung Quốc.

1. Chuyển từ phương châm văn hóa “phục vụ chính trị” sang “phục vụ nhân dân, phục vụ CNXH”

Trong thời kỳ cách mạng dân chủ, Mao Trạch Đông đề xuất phương châm phát triển văn hoá phải “phục vụ quần chúng nhân dân” (công – nông – binh). Phương châm này đã chỉ đạo hoạt động sáng tác văn nghệ của khu giải phóng

thời kỳ sau chiến tranh chống Nhật và bước đầu thúc đẩy sự phát triển của sáng tác văn nghệ sau khi thành lập nước. Thế nhưng, sau đó không lâu, trong “Bài phát biểu tại buổi toạ đàm văn nghệ Diên An”, Mao Trạch Đông

^(*) TS., Viện Nghiên cứu Trung Quốc.

^(**) ThS., Viện Nghiên cứu Trung Quốc.

nêu lên quan điểm “văn nghệ phục vụ chính trị”. Ngay lập tức, quan điểm này được đẩy lên thành khẩu hiệu “văn nghệ phục vụ chính trị” và trở thành hạt nhân của hệ thống lý luận coi tiêu chuẩn chính trị, tính giai cấp chính là tiêu chuẩn quan trọng định giá sự phát triển của văn hóa. Với lối tư duy “cách mạng hóa” văn hóa như vậy, ĐCS Trung Quốc vô hình chung đã biến văn hóa thành công cụ phá hủy hệ giá trị truyền thống, hủy hoại di sản, “tẩy nã” và đẩy hàng triệu trí thức vào kết cục bi thảm. Từ một nền văn hóa có diện mạo phong phú, sức sống mãnh liệt, văn hóa Trung Quốc dần dần rơi vào khủng hoảng do bị bó hẹp phạm vi phát triển, trói buộc tư tưởng và kìm hãm sức sáng tạo.

Sau những tổn hại nghiêm trọng của “đại cách mạng văn hóa”, ĐCS Trung Quốc đã có một quá trình nhìn nhận và đánh giá khách quan sai lầm mang tính “tả khuynh” trong đường lối lãnh đạo văn hóa. Căn cứ vào tình hình thực tế và những yêu cầu cấp bách đòi hỏi phải khôi phục lại sự phát triển của văn hóa, tháng 12/1978, tại Hội nghị Trung ương 3 khóa XI, ĐCS Trung Quốc đã tập trung vào việc xác định lại mục tiêu phát triển văn hóa. Trên tinh thần giải phóng tư tưởng, thực sự cầu thị Hội nghị đã đi đến nhận thức, trong giai đoạn mới, trọng tâm phát triển văn hóa được tập trung vào việc xây dựng hiện đại hoá văn hóa XHCN. Muốn thực hiện được mục tiêu này, cần phải có sự nhận thức và thay đổi thực sự trong phương châm chỉ đạo phát triển văn hóa. Trên cơ sở đánh giá khách quan những tác động tiêu cực và sự can thiệp thô bạo của phương châm “văn nghệ phục vụ chính trị” đối với sự phát triển của văn hóa Trung Quốc trước và trong “đại cách

mạng văn hóa”, Hội nghị đưa ra quyết định coi “phục vụ nhân dân, phục vụ CNXH” là phương châm chỉ đạo cho hoạt động văn hóa. Việc điều chỉnh phương châm chỉ đạo sang “phục vụ nhân dân, phục vụ CNXH” cho thấy, ĐCS Trung Quốc đã đạt được sự nhận thức khách quan và khoa học hơn về mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị. Phương châm này được chúng tôi đánh giá là bước đột phá lớn trong tư duy phát triển văn hóa của ĐCS Trung Quốc, bởi nó đã phá vỡ tính cực đoan trong tư tưởng chỉ đạo “gò ép” hoạt động văn hóa vào mối quan hệ bất bình thường và phụ thuộc vào chính trị, đưa ra được hướng giải quyết khách quan và hợp logic về mối quan hệ giữa văn nghệ và chính trị trong thời kỳ mới.

2. Sáng tạo lý luận “văn minh tinh thần”, “văn hóa XHCN” đổi mới phương hướng phát triển: văn hóa trở thành nội dung quan trọng của sự phát triển kinh tế xã hội và nhân tố quan trọng của cạnh tranh quốc lực tổng hợp

Tháng 9/1979, trong bài phát biểu tại lễ kỷ niệm 30 năm thành lập nước CHND Trung Hoa, Diệp Kiếm Anh lần đầu tiên chính thức sử dụng khái niệm “văn minh tinh thần XHCN”. Sau đó, “xây dựng văn minh tinh thần XHCN” đã trở thành một trong những tiêu chuẩn quan trọng trong xây dựng hiện đại hoá CNXH. Tháng 12/1980, tại Hội nghị công tác Trung ương, Đặng Tiểu Bình nhấn mạnh, “Đất nước XHCN mà chúng ta cần xây dựng, không những phải có văn minh vật chất cao mà còn phải có văn minh tinh thần cao. Văn minh tinh thần không những là giáo dục, khoa học, văn hóa (những cái đó hoàn toàn cần thiết) mà còn là tư tưởng, lý tưởng, tín niệm, đạo đức, kỹ thuật XHCN, lập trường và nguyên tắc cách

mạng, quan hệ đồng chí giữa người với người, v.v... Không có văn minh tinh thần đó, không có tư tưởng cộng sản, không có đạo đức cộng sản, thì làm thế nào mà xây dựng CNXH được” (2, tr.367). Trong Báo cáo tại Đại hội XII năm 1982, “văn minh tinh thần” lần đầu tiên được ĐCS Trung Quốc xác định “là đặc trưng quan trọng của CNXH, là biểu hiện quan trọng của tính ưu việt của chế độ XHCN”, nêu rõ “không có văn minh tinh thần thì không thể xây dựng CNXH”. Trên tinh thần đó, tháng 9/1986, Hội nghị Trung ương 6 khoá XII ĐCS Trung Quốc đã thông qua “Quyết định về phương châm chỉ đạo xây dựng văn minh tinh thần XHCN”. Bản Quyết định này đã nêu lên một cách toàn diện công cuộc xây dựng văn minh tinh thần XHCN, xác định rõ nhiệm vụ căn bản trong xây dựng văn minh tinh thần XHCN, tức là “thích ứng với nhu cầu xây dựng hiện đại hoá CNXH, bồi dưỡng công dân XHCN có lý tưởng, có đạo đức, có văn hoá, có kỷ luật, nâng cao tố chất văn hoá khoa học và tố chất tư tưởng đạo đức của cả dân tộc Trung Hoa. Tháng 10/1987, Đại hội XIII ĐCS Trung Quốc nêu lên đường lối cơ bản của Đảng trong giai đoạn đầu CNXH, là phải xây dựng Trung Quốc thành đất nước hiện đại hoá XHCN giàu mạnh, dân chủ, văn minh, đưa văn minh tinh thần và kinh tế giàu mạnh, chính trị dân chủ vào mục tiêu chiến lược trong xây dựng hiện đại hoá đất nước.

Tuy nhiên, vào mùa hè năm 1989, nội bộ ban lãnh đạo ĐCS Trung Quốc đã bị phân hóa và lúng túng trong việc giải quyết sự kiện Thiên An Môn. Sự lúng túng khi áp dụng hệ thống lý luận văn minh tinh thần vào hiện tượng thực tiễn đã dẫn đến một số lệch chuẩn

trong việc xác định bản chất của cuộc biểu tình. Từ động cơ ban đầu, “chống tham ô hủ bại”, “chống lạm phát tăng cao”, cuộc biểu tình bị coi là cuộc “bạo loạn phản cách mạng” trở thành sự kiện Thiên An Môn chấn động dư luận trong và ngoài nước. Mặc dù, ĐCS Trung Quốc luôn khẳng định, việc chính phủ tiến hành biện pháp kiên quyết nhằm dẹp yên cơn bão chính trị Thiên An Môn là cần thiết. Song, ngay sau sự kiện này, việc Đảng Tiểu Bình lập tức đưa ra quan điểm phân định rõ hơn mối quan hệ giữa “hai nền văn minh” trong đó nhấn mạnh “cả hai tay đều phải cứng” cho thấy, đã có sự nhìn lại và những điều chỉnh phù hợp hơn với tình hình thực tiễn của các nhà lãnh đạo ĐCS Trung Quốc. Quan điểm này tập trung vào việc xác định cần phải coi văn hóa là hạt nhân cơ bản của văn minh tinh thần, cần phải nâng văn hóa lên vị trí ngang hàng với các lĩnh vực khác, đưa văn hóa trở thành một nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển quốc gia Trung Quốc. Đây chính là tư tưởng hạt nhân để các nhà hoạch định chiến lược Trung Quốc từng bước hoàn thiện hệ thống lý luận theo hướng phá vỡ xu hướng coi trọng phát triển văn minh vật chất, xem nhẹ phát triển bền vững sang phát triển hài hòa hai nền văn minh tinh thần và vật chất. Tại Đại hội XV (1997), ĐCS Trung Quốc đã đi đến xác định “Văn hóa XHCN” nhất trí với “Văn minh tinh thần XHCN”. Trong đó, khái niệm “Văn minh tinh thần XHCN” được dùng để phân biệt với “Văn minh vật chất XHCN”, còn khái niệm “Văn hóa XHCN” được dùng để phân biệt với kinh tế, chính trị XHCN. Trên tinh thần này, hội nghị đã đề xuất cương lĩnh cơ bản của giai đoạn đầu phát triển CNXH, trong đó mục tiêu phát triển

văn hóa chính thức được đặt ngang tầm với mục tiêu xây dựng kinh tế, chính trị... Từ việc phá vỡ và tạo ra sự cân bằng trong phát triển cả hai nền văn minh, Đại hội XVI đã tách nội dung chính trị ra khỏi khái niệm văn minh tinh thần, phát triển từ lý luận hai nền văn minh thành lý luận về ba nền văn minh, đưa ra khái niệm “văn minh chính trị XHCN” và đặt ra nhiệm vụ “Xây dựng văn minh chính trị XHCN” ngang hàng với “Xây dựng văn minh tinh thần” và “Xây dựng văn minh vật chất” (3, tr.56). Như vậy, sự thay đổi từ việc coi văn hóa chỉ là một lĩnh vực nằm trong phạm vi “văn minh tinh thần”, dễ bị “chính trị hóa” trong những trường hợp nhạy cảm đến xác định “văn hóa XHCN” chính là “văn minh XHCN” phân biệt với “văn minh chính trị XHCN”, “văn minh vật chất XHCN” đã tạo nên một bước đột phá mới trong tư duy phát triển văn hóa của ĐCS Trung Quốc. Sự đột phá này là tiền đề lý luận quan trọng chỉ đạo việc phát triển văn hóa thành nội dung quan trọng của phát triển kinh tế xã hội và nhân tố quan trọng của cạnh tranh quốc lực tổng hợp trong giai đoạn mới.

Nhằm thực hiện mục tiêu biến văn hóa thành nội dung quan trọng của sự phát triển, tập thể thế hệ lãnh đạo thứ 3 ở Trung Quốc do Giang Trạch Dân làm hạt nhân đã có những đóng góp tích cực trong việc bổ sung và hoàn thiện thêm lý luận về phương hướng phát triển nguồn lực văn hoá XHCN. Ông cho rằng, phát triển văn hóa XHCN dân tộc, khoa học, đại chúng phải hướng tới hiện đại hoá, hướng ra thế giới và hướng tới tương lai (1997). Ông cũng là người đề ra tư tưởng “ba đại diện”, trong đó ĐCS Trung Quốc “đại diện cho phương hướng tiến lên của nền văn hoá tiên tiến Trung

Quốc” (2000). Theo quan điểm của ĐCS Trung Quốc, đại diện cho phương hướng tiến lên của văn hoá tiên tiến Trung Quốc chính là sáng tạo và thúc đẩy văn hoá XHCN đặc sắc Trung Quốc, đáp ứng yêu cầu văn hoá tinh thần ngày càng cao của quần chúng nhân dân, thúc đẩy tiến bộ toàn diện của xã hội dưới sự chỉ đạo của chủ nghĩa Marx. Như vậy, việc ĐCS Trung Quốc coi văn hoá là kết tinh của tiến bộ văn minh nhân loại, đại diện cho phương hướng tiến lên của văn hoá tiên tiến đã tạo động lực tinh thần và hỗ trợ trí tuệ cho sự tiến bộ của xã hội Trung Quốc. Bên cạnh đó, quá trình thay đổi về nhận thức đi đến xác định sức sản xuất là động lực căn bản của phát triển văn hoá, cũng là tiêu chuẩn căn bản của văn hoá tiên tiến chính là thay đổi căn bản về tư duy phát triển giúp ĐCS Trung Quốc từng bước nâng cao vai trò văn hóa trong việc thúc đẩy sự phát triển của kinh tế, chính trị, biến văn hóa thành lực lượng quan trọng quy tụ và khuyến khích các dân tộc trong cả nước.

Tiếp nối sự lãnh đạo của Giang Trạch Dân, từ Đại hội XVI đến nay, Trung ương Đảng do Hồ Cẩm Đào làm Tổng Bí thư, trên cơ sở đánh giá một cách khoa học tình hình trong nước và quốc tế, nắm bắt toàn diện xu thế phát triển văn hoá thế giới hiện nay đã đề xuất “Quan điểm phát triển văn hoá mới” nhằm định hướng rõ hơn về phương hướng phát triển văn hóa.

Quan điểm này được tập trung thể hiện trong “Cương yếu quy hoạch phát triển văn hoá thời kỳ Kế hoạch 5 năm lần thứ mười một” (tháng 9/2006) với những nội dung cụ thể: “không ngừng đi sâu nhận thức về địa vị, phương hướng, động lực, đường lối tư

tưởng, cục diện và mục đích trong phát triển văn hoá, phá vỡ mọi quan niệm tư tưởng, cách làm, quy định và trở ngại mang tính thể chế, cơ chế trong phát triển văn hoá, không ngừng giải phóng và phát triển sức sản xuất văn hoá, thúc đẩy sự phát triển hài hoà giữa kinh tế, chính trị, xã hội” (theo: 4). Bản cương yếu nhấn mạnh, trong quy hoạch phát triển văn hóa, Trung Quốc cần phải: không ngừng đi sâu nhận thức vai trò và địa vị của văn hoá; nhận thức đầy đủ vai trò và địa vị của văn hoá trong cạnh tranh quốc lực tổng hợp ngày càng nổi bật, phát triển làm phong phú ý nghĩa mang tính chiến lược, tính toàn cục của văn hoá tiên tiến XHCN; không ngừng đi sâu nhận thức phương hướng phát triển văn hoá, luôn luôn kiên trì sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác văn hoá, kiên trì địa vị chỉ đạo của chủ nghĩa Marx trong lĩnh vực hình thái ý thức, kiên trì phương hướng tiến lên của văn hoá tiên tiến XHCN; không ngừng đi sâu nhận thức động lực phát triển văn hoá, kiên trì lấy cải cách làm động lực, lấy sáng tạo thể chế, cơ chế làm trọng điểm, xây dựng thể chế cơ chế tôn trọng đặc điểm và quy luật của xây dựng văn minh tinh thần XHCN, thích ứng với yêu cầu của thể chế kinh tế thị trường XHCN, giải phóng và phát triển sức sản xuất văn hoá; không ngừng đi sâu nhận thức về đường lối tư duy phát triển văn hoá, kiên trì vừa phát triển văn hoá công cộng vừa phát triển ngành nghề văn hoá; không ngừng đi sâu nhận thức về cục diện phát triển văn hoá, hình thành cục diện ngành nghề văn hoá lấy chế độ công hữu làm chủ thể, nhiều loại hình sở hữu cùng phát triển, hình thành cục diện thị trường văn hoá lấy văn hoá dân tộc làm chủ thể, thu hút các nền văn hoá ngoại lai hữu ích, thiết thực bảo vệ lợi ích và an ninh chiến lược

đất nước; không ngừng đi sâu nhận thức về mục đích phát triển văn hoá, kiên trì lấy con người làm gốc, sáng tạo các sản phẩm văn hoá tinh thần tốt hơn, nhiều hơn, đáp ứng nhu cầu văn hoá tinh thần ngày càng tăng của quần chúng nhân dân, thúc đẩy sự phát triển toàn diện của con người, tạo động lực tinh thần và ủng hộ về trí tuệ cho sự nghiệp xây dựng hiện đại hoá CNXH.

Như vậy, quá trình hình thành, bổ sung, hoàn thiện lý luận “văn minh tinh thần XHCN”, “văn hóa XHCN” một mặt đã mở rộng phạm vi xây dựng văn hoá, khẳng định vai trò của văn hóa trong đời sống xã hội, mặt khác cũng cho thấy, sự phát triển của văn hóa Trung Quốc luôn nằm trong chiến lược và định hướng phát triển quốc gia của ĐCS Trung Quốc. Từ chỗ không rành mạch trong việc xác định vai trò thực sự của văn hóa đến nhận thức văn hoá vừa cung cấp động lực tinh thần to lớn cho sự phát triển toàn diện hài hoà kinh tế xã hội, đồng thời cũng là nội dung quan trọng của sự phát triển kinh tế xã hội; tiến hành điều chỉnh hệ thống lý luận quy kết văn hóa sang nhận thức cụ thể về vai trò và địa vị của văn hoá trong cạnh tranh quốc lực tổng hợp, cạnh tranh quốc tế, ĐCS Trung Quốc đã thực sự tạo nên bước đột phá cơ bản trong tư duy phát triển.

Đột phá này phản ánh nhận thức mới của ĐCS Trung Quốc về phát triển văn hoá, trở thành tư tưởng chỉ đạo quan trọng để Trung Quốc xác định văn hóa chính là một ngành nghề chính nằm trong nhóm ngành nghề thứ ba – dịch vụ. Việc coi văn hóa là một ngành nghề, ứng xử với văn hóa như các nhóm ngành nghề thứ nhất – nông lâm ngư nghiệp, ngành nghề thứ hai – công

ngành và xây dựng đã khiến cho các chính sách phát triển trọng điểm các ngành nghề văn hóa đi vào chiều sâu, có tác động tích cực tới quá trình giải phóng và phát triển sức sản xuất văn hóa, mở rộng không gian phát triển cho các ngành, các tập đoàn văn hóa, từ đó đưa các ngành nghề văn hóa bước vào thời kỳ phát triển nhanh chóng, đóng góp đáng kể cho sự phát triển chung của Trung Quốc. Theo thống kê từ Cục thống kê Trung Quốc, tính đến cuối năm 2008, có 2575 đoàn thể biểu diễn nghệ thuật toàn Trung Quốc, nhà văn hóa có 3171, thư viện công cộng là 2825, 1798 bảo tàng, 257 đài phát thanh, 277 đài truyền hình, 2069 đài phát thanh truyền hình. Số hộ dùng truyền hình cáp là 163,42 triệu hộ, 45,03 triệu hộ dùng truyền hình kỹ thuật số. Đến cuối năm phát thanh đã bao phủ lên 96% dân số, truyền hình là 97%. Sản xuất 406 bộ phim truyền hình, 73 bộ phim khoa học giáo dục, hoạt hình. Xuất bản 44,5 tỷ tờ báo, 3 tỷ cuốn tạp chí các loại, 6,9 tỷ cuốn sách (5). Những con số thống kê trên là minh chứng tiêu biểu cho sự thành công trên thực tế của sự thay đổi trong việc nhận thức đúng vai trò và tác dụng của văn hóa trong quy hoạch phát triển quốc gia và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của ĐCS Trung Quốc.

3. Đề xuất mục tiêu chiến lược: Nâng cao sức mạnh mềm văn hoá quốc gia, thúc đẩy sự phát triển, phồn vinh của văn hoá XHCN

Sức mạnh mềm là một khái niệm mới, xuất hiện vào cuối những năm 80 thế kỷ XX, do học giả Mỹ Joseph S. Nye đề xuất. Theo ông, “Sức mạnh mềm là khả năng hướng tới mục tiêu bằng sức hấp dẫn của mình chứ không phải bằng cách cưỡng ép trong các công việc quốc tế” (dẫn theo 6, p.21). Sức mạnh mềm

chủ yếu bắt nguồn từ 3 nguồn: văn hoá (phát huy tác dụng hấp dẫn đối với các nước khác), quan điểm giá trị chính trị (khi ở trong và ngoài nước đều có thể thực sự thực hành những giá trị này) và chính sách ngoại giao (khi chính sách được coi là hợp pháp và có uy tín đạo đức). Vào cuối thế kỷ XX, sức mạnh mềm không phải là khái niệm xa lạ với Trung Quốc, song vào thời điểm đó, vì rất nhiều lí do, sức mạnh mềm chưa được dùng như một thuật ngữ chính thống trong các văn kiện của Đảng, Nhà nước Trung Quốc và cũng chưa được coi trọng bằng sức mạnh cứng.

Bước sang những năm đầu thế kỷ XXI, sự bùng nổ của nền kinh tế tri thức, sự lan rộng và sức hấp dẫn của văn hóa trên phạm vi toàn cầu đã buộc ĐCS Trung Quốc phải có sự điều chỉnh tương ứng trong tư duy phát triển để thích nghi với tình hình quốc tế. Ngày 10/11/2006, Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào trong bài phát biểu tại Đại hội sáng tác lần thứ 7, Đại hội văn hoá lần thứ 8 đã nêu rõ: “Trong thời đại ngày nay, địa vị của văn hoá trong cạnh tranh quốc lực tổng hợp ngày càng quan trọng. Ai giữ được “cao điểm” trong phát triển văn hoá, người đó có thể nắm được quyền chủ động tốt hơn trong cạnh tranh quốc tế khốc liệt”. Ông nói: “Sáng tạo sự huy hoàng mới của văn hoá dân tộc, tăng cường sức cạnh tranh quốc tế của văn hoá Trung Quốc, nâng cao thực lực mềm của đất nước là một vấn đề quan trọng đặt ra cho Trung Quốc”. Ngày 24/7/2007, Chính hiệp Trung Quốc tổ chức hội nghị hiệp thương chuyên đề xoay quanh việc kiến nghị, đề xuất chính sách cho vấn đề “xây dựng sức mạnh mềm quốc gia lấy xây dựng văn hoá làm nội dung chủ yếu”. Những

tuyên bố này của người đứng đầu Đảng và Nhà nước Trung Quốc đã phản ánh sự nhận thức ngày càng rõ ràng hơn của ĐCS về ý nghĩa quan trọng của sức mạnh mềm quốc gia với sức mạnh mềm văn hoá trong mục tiêu cạnh tranh quốc tế hiện nay của quốc gia này.

Ngày 15/10/2007, trong Báo cáo Chính trị Đại hội XVII ĐCS Trung Quốc, Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào chính thức đưa ra mệnh đề “sức mạnh mềm văn hoá” và coi đó như là mục tiêu chiến lược của sự nghiệp phát triển văn hoá Trung Quốc. Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào nêu rõ, “trong thời đại ngày nay, văn hoá ngày càng trở thành ngọn nguồn quan trọng trong sức quy tụ và sức sáng tạo của dân tộc, ngày càng trở thành nhân tố quan trọng trong cạnh tranh quốc lực tổng hợp”. “Phải kiên trì phương hướng tiến lên của văn hoá tiên tiến XHCN, gây dựng lại cao trào mới trong xây dựng văn hoá XHCN, tạo sức sống sáng tạo văn hoá của toàn dân tộc, nâng cao thực lực mềm văn hoá đất nước, làm cho đời sống văn hoá xã hội thêm phần phong phú, đa dạng, làm cho diện mạo tinh thần của nhân dân càng phát triển”. Trên cơ sở coi văn hoá là một nhân tố quan trọng của cạnh tranh quốc lực tổng hợp, ĐCS Trung Quốc đã đặt vấn đề “nâng cao sức mạnh mềm văn hoá quốc gia” như là mục tiêu phát triển chính của văn hoá trong giai đoạn hiện nay. Mặc dù khái niệm này do học giả phương Tây nêu lên, sau đó đã được các học giả Trung Quốc thảo luận, song, việc lần đầu tiên đưa “sức mạnh mềm văn hoá” vào văn kiện chính thức của Đảng đã cho thấy, ĐCS Trung Quốc ngày càng đạt được sự nhận thức sâu hơn về vai trò, tác dụng tích cực của văn hoá đối với sự phát triển xã hội. Trong

cách tiếp cận vấn đề về sức mạnh mềm văn hoá của ĐCS Trung Quốc cũng có nhiều điểm không giống với lý thuyết của phương Tây. Theo quan điểm của giới nghiên cứu “sức mạnh mềm văn hoá quốc gia” mà ĐCS Trung Quốc nhấn mạnh chủ yếu là chỉ một số nguồn lực văn hoá trong lĩnh vực văn hoá xã hội có “sức cảm chiếu của tinh thần, sức ngưng tụ của xã hội, sức hấp dẫn của thị trường, sức ảnh hưởng của tư tưởng”, nó “mang thuộc tính hình thái ý thức quốc gia rõ rệt, là sự thể hiện của chính thể quốc gia, là phương thức đặc biệt của lợi ích quốc gia” (7). Từ sự khác biệt này, các học giả Trung Quốc cho rằng “sức mạnh mềm mà Trung Quốc theo đuổi không phải là loại sức mạnh mềm trừu tượng, mà là sức mạnh mềm văn hoá quốc gia thể hiện lợi ích quốc gia và hình thái ý thức quốc gia của Trung Quốc” (8).

Như vậy, tuy tiếp nhận khái niệm “sức mạnh mềm văn hoá” của phương Tây, khái niệm “sức mạnh mềm” thể hiện trong văn kiện chính thức của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã cho thấy rất rõ nó đã được “Trung Quốc hoá”, mang theo nội hàm mới thể hiện lợi ích quốc gia và ý thức hệ quốc gia của Trung Quốc.

Việc chính thức đưa “sức mạnh mềm văn hoá” vào báo cáo của Đảng và coi đó như một mệnh đề quan trọng đã cho thấy, sự thay đổi tích cực của ĐCS Trung Quốc trong việc nhận thức và nắm bắt một cách khoa học xu thế phát triển chung của văn hoá thế giới và xu thế phát triển riêng của văn hoá Trung Quốc. Đây được coi là một luận điểm thể hiện sự điều chỉnh tích cực về tư duy phát triển của các nhà lãnh đạo Trung Quốc trong việc nâng sức mạnh mềm

(trọng tâm là sức mạnh mềm văn hóa) lên ngang tầm với sức mạnh cứng, từ đó thúc đẩy mạnh hơn tiến trình hướng tới hiện đại hóa, hướng ra thế giới, hướng tới tương lai của Trung Quốc. Đây chính là đột phá về tư duy, thể hiện sự lựa chọn khôn ngoan của ĐCS Trung Quốc trong việc thực hiện mục tiêu xây dựng xã hội hài hòa ở phạm vi trong nước, xây dựng thế giới hài hòa trên phạm vi thế giới.

Trên cơ sở nhận thức như vậy, trong chính sách phát triển, ĐCS Trung Quốc đã không ngừng dựa vào lợi thế văn hóa nhằm nâng cao vị thế văn hóa Trung Hoa trên phạm vi toàn cầu. Một trong những thành công đặc biệt của Trung Quốc trong việc thực hiện chính sách này chính là việc tổ chức thành công Lễ Khai mạc Olympic Bắc Kinh. Vào ngày 8/8/2008, Trung Quốc đã biến Olympic Bắc Kinh thành sự kiện văn hóa lớn nhất, đánh dấu một thời kỳ mới - thời kỳ vị thế văn hóa của Trung Quốc không ngừng được nâng cao trên bản đồ văn hóa thế giới. Để chuẩn bị cho sự kiện trọng đại này, Chính phủ Trung Quốc đã dành 7 năm với 44 tỷ USD để xây mới 12 sân, nhà thi đấu, với những kiệt tác như: Sân vận động quốc gia Tổ chim, Cung thi đấu dưới nước Khổng Tử; nâng cấp nhiều sân, nhà thi đấu tạm thời; khu liên hợp 42 tòa nhà của Làng thể vận hội Olympic (9)... Sự đầu tư này đã chứng tỏ Trung Quốc là một siêu cường kinh tế có khả năng đáp ứng tối đa về chất lượng hạ tầng cơ sở cho Thế Vận hội, mặt khác cũng cho thấy quyết tâm của quốc gia này trong việc cung cấp những điều kiện vật chất và công nghệ cao để ngày hội thể thao lớn nhất hành tinh này trở thành cơ hội giúp Trung Quốc khuyếch trương hiệu quả nhất bản sắc và sức mạnh văn hóa

Trung Hoa. Với sự chuẩn bị chu đáo như vậy, lễ khai mạc Olympic diễn ra vào tối ngày 8/8/2008 đã thực sự trở thành màn trình diễn ngoạn mục ghi dấu trên toàn thế giới bản sắc văn hóa Trung Hoa. Trong ánh sáng huyền ảo, âm nhạc du dương, pháo hoa rực rỡ, các màn trình diễn trong một tiếng đầu tiên của đêm khai mạc với hai nội dung chính xoay quanh chủ đề nền văn minh Trung Hoa cổ đại xán lạn và sự trỗi dậy của Trung Quốc hiện đại trên sân vận động hoành tráng đã tạo nên một lễ khai mạc tráng lệ và ấn tượng nhất trong lịch sử Thế Vận hội. Bằng việc tái hiện lại một cách hoành tráng từng giai đoạn lịch sử và nền văn hóa từ sự hình thành của chữ Hán, nét độc đáo của Kinh kịch, quá trình hình thành con đường tơ lụa lừng danh, hình ảnh các triều đại trong lịch sử, đến sự trở đi trở lại của những bản thư họa, tranh vẽ, tranh cuộn lớn ghi lời Khổng Tử mong muốn một thế giới đại đồng và sự nối tiếp của một Trung Quốc đương đại đang trên đà phát triển và hướng tới “giấc mơ chung một thế giới”, Olympic Bắc Kinh đã giúp Trung Quốc xác lập hình ảnh đẹp đẽ của một cường quốc đang lên mang trong mình sức sống lâu bền của một nền văn hóa xán lạn và khát vọng mãnh liệt về hòa bình chung cho nhân loại. Nếu Lễ khai mạc Olympic Bắc Kinh là màn phô diễn ngoạn mục “bản sắc văn hóa Trung Hoa”, thì việc tăng cường số lượng và chất lượng các học viện Khổng Tử trên quy mô toàn cầu đang được coi là bước đi khôn khéo của Trung Quốc trong việc quảng bá mạnh mẽ sức mạnh mềm văn hóa. Đối với Trung Quốc và cả thế giới, Khổng Tử chính là biểu tượng của văn hóa Trung Hoa. Vì vậy, trong quá trình nâng cao và mở rộng sức mạnh mềm văn hóa của mình ra toàn thế giới, một

yếu tố được Trung Quốc rất chú ý tận dụng đó là mở rộng ảnh hưởng của “văn hóa Khổng” và Hán ngữ trên phạm vi toàn thế giới với việc thành lập và nhân rộng Học viện Khổng Tử. Từ năm 2004 đến năm 2008, Trung Quốc đã mở rộng với tốc độ chóng mặt số lượng các học viện Khổng Tử trên quy mô toàn cầu. Đến cuối năm 2008, số lượng học viện được xây dựng đã lên tới con số 249 học viện trên 78 quốc gia và vùng lãnh thổ (10). Với chức năng chủ yếu là chuyên đào tạo tiếng Hán và đào tạo đội ngũ giáo viên dạy tiếng Hán cho các quốc gia và khu vực trên toàn thế giới, tư vấn cho học sinh đến Trung Quốc du học, giới thiệu về Trung Quốc đương đại, làm quen với văn hóa Trung Hoa và kiến thức về thương mại đối với Trung Quốc..., các học viện này đã trở thành nơi truyền bá, giao lưu, trao đổi văn hoá, dạy và học tiếng Trung. Tất cả các hoạt động này đều tập trung vào việc giữ gìn và mở rộng vị thế của tiếng Hán trên trường quốc tế, truyền bá tinh hoa văn hóa Hán, hạt nhân tư tưởng "hài hoà", "hoà giải", "hoà bình" của Khổng Tử hơn 2000 năm trước ra thế giới, từ đó tăng cường sự hiểu biết của nhân dân thế giới đối với văn hoá và ngôn ngữ Trung Quốc, phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa Trung Quốc với các nước trên thế giới, thúc đẩy sự phát triển văn hoá đa nguyên thế giới, góp phần cho việc xây dựng thế giới hài hoà. Chính các hoạt động trên đã góp phần tạo nên "cơn sốt Hán ngữ" trên thế giới trong những năm gần đây. Hiện nay đã có khoảng 46.000 người đang theo học tiếng Hán ở các học viện Khổng Tử trên thế giới (11, tr.22). Điều này cho thấy, thông qua học viện Khổng Tử, Trung Quốc đã tăng cường được vai trò quan trọng của tiếng Hán và ảnh hưởng văn hóa Hán trong giao lưu văn hóa quốc tế

(12, tr.466-467). Với những đóng góp tích cực trên, học viện Khổng Tử đang dần dần trở thành “thương hiệu” quảng bá sức mạnh mềm văn hóa Trung Quốc, quảng bá hình ảnh, đất nước và con người Trung Quốc trên phạm vi toàn thế giới.

Song song với việc thực hiện chính sách quảng bá các giá trị văn hóa truyền thống, ĐCS Trung Quốc cũng rất tích cực tăng cường xuất khẩu các sản phẩm văn hóa như truyền hình, phim ảnh, âm nhạc..., mở rộng phạm vi quảng bá văn hóa Trung Quốc ra toàn thế giới. Trên cơ sở nhận thức rõ các phương tiện truyền thông đang ngày càng giữ vai trò quan trọng trong việc truyền bá văn hóa, tư tưởng, cũng như quảng bá hình ảnh của một quốc gia ra thế giới, trong những năm đầu thế kỷ XXI, Trung Quốc đã tập trung vào việc xuất khẩu phim nhựa và phim truyền hình. Thông qua 406 bộ phim truyền hình về chủ đề lịch sử, cải cách mở cửa, và hàng loạt bộ phim lớn như “Hiệu lệnh tập kết”, “Suy đoán của Lý Mễ” và “CJ7”, “Họa Bì”, “Kungfu Chi Vương”, “Xích Bích”, “Phi thành vật nhiều”, và “Mai Lan Phương”..., Trung Quốc đã thành công trong việc đem đến thông điệp văn hóa Trung Quốc không chỉ thuộc về Trung Quốc mà còn là tài sản chung của toàn nhân loại.

4. Kết luận

Để thực hiện hiệu quả công cuộc cải cách mở cửa, lựa chọn thành công của ĐCS Trung Quốc là đã tạo ra những bước đột phá lớn về tư duy trong phát triển văn hóa. Trong 30 năm qua, ĐCS Trung Quốc đã không ít lần phải trả giá đắt cho những hậu quả nghiêm trọng nảy sinh từ sự “vênh lệch” giữa lý luận và thực tiễn. Song, với tinh thần thực sự

cầu thị, dám nhìn thẳng vào sự thật ĐCS Trung Quốc đã từng bước hình thành và hoàn thiện hơn hệ thống lý luận mới về phương châm, phương hướng, phương thức và mục tiêu phát triển văn hóa trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể. Đây chính là tiền đề để Trung Quốc đổi mới việc nhận thức và xử lý các vấn đề văn hóa. Trên thực tế, những thay đổi trong tư duy phát triển văn hóa của ĐCS Trung Quốc không chỉ là một ý chí chính trị, một hệ thống lý luận khô cứng mà đang được cụ thể hóa bằng quá trình thực thi hàng loạt chính sách phát triển văn hóa toàn diện và có trọng điểm. Quá trình này, một mặt đã cho thấy tính hiệu quả của hệ thống lý luận trong việc từng bước giải phóng sức sản xuất văn hóa, nâng cao hơn vị trí, vai trò của sức mạnh văn hóa trong chiến lược phát triển tổng thể đất nước, song, cũng cho thấy, một số bất cập như: sự chỉ đạo phát triển văn hóa của Trung Quốc hiện nay, còn nặng tính Đảng, thiếu những lý luận khả thi để phá vỡ các yếu tố cản trở tới quá trình giải phóng khả năng sáng tạo trong phát triển văn hóa, nhằm nâng cao hơn giá trị và phạm vi ảnh hưởng của “sức mạnh mềm văn hóa” Trung Quốc trên quy mô toàn cầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Theo: Nguyễn Xuân Kính, Chu Tuyết Lan. Người trí thức trong các nước có truyền thống Nho học phương Đông. Kỷ yếu Đông phương học Việt Nam –

- Hội thảo quốc gia lần thứ nhất. H.: Đại học quốc gia, 2001.
2. Văn tuyển Đặng Tiểu Bình - Tập II. Bắc Kinh: Nhân dân, 1983.
 3. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc. H.: Chính trị Quốc gia, 2003.
 4. Bộ Văn hóa (nước CHND Trung Hoa). Cương yếu quy hoạch phát triển văn hóa thời kỳ kế hoạch 5 năm lần thứ mười một. Bắc Kinh: Văn hóa – Mỹ thuật, 2008.
 5. Cục Thống kê Trung Quốc. Thống kê Trung Quốc 2008.
 6. Joseph S. Nye, William Owens. Kỷ nguyên thông tin của Mỹ. Tạp chí *Foreign Affairs*, tháng 3,4/1996.
 7. Đặng Hiên Siêu, Diễn tiến tư tưởng chiến lược phát triển văn hóa của ĐCS Trung Quốc 30 năm cải cách mở cửa. [http://www.hwcc.com.cn/newsdisplay.asp?Id=207222](http://www.hwcc.com.cn/newsdisplay/newsdisplay.asp?Id=207222)
 8. Giả Lội Lội. Sự cấu thành chủ yếu của sức mạnh mềm văn hóa quốc gia. http://kbs.cnki_net/Forum/40739/showthread.aspx
 9. Nguyễn Phú Hưng. Trung Quốc và Olympic. Thế giới và Việt Nam, 8/8/2008. <http://tgvn.com.vn>.
 10. Theo số liệu thống kê tại “Đại hội Học viện Khổng Tử toàn cầu” tổ chức tại Bắc Kinh ngày 10/12/2008.
 11. *Hoàn cầu thời báo*, 30/11/2007.
 12. Bành Tân Lương. Ngoại giao văn hóa và sức mạnh mềm của Trung Quốc – Góc nhìn toàn cầu hóa. Bắc Kinh: Bắc Kinh, 2008.